

Số: /KH-SNN

Cao Bằng, ngày 13 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP, ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Công văn số 2288/UBND-TH, ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh về việc tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP, ngày 01/8/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-CP, ngày 01/8/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ/TW, ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị của Tỉnh uỷ Cao Bằng;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, các cơ quan, đơn vị; tạo cơ sở để cấp uỷ, cơ quan, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động nâng cao nhận thức về tính chất, tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế xã hội kết hợp với quốc phòng an ninh, trong đó có nhiệm vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; trên cơ sở đó khẳng định quyết tâm chính trị, nêu cao tinh thần, trách nhiệm, tự giác, gương mẫu trong việc triển khai thực hiện.

- Cụ thể hoá quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng của Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 96/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động của Tỉnh uỷ thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể của lĩnh vực phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới để triển khai đạt hiệu quả cao.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của nông dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng kinh tế thị trường, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá đặc hữu

gắn với chế biến, áp dụng công nghệ hiện đại, cho năng suất cao, chất lượng, hiệu quả, bền vững.

- Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại gắn với quá trình đô thị hoá, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp, an ninh được đảm bảo. Góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP nông lâm thuỷ sản đạt bình quân từ 3%/năm.
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới 70 xã, chiếm 50%, trong đó, phần đầu số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 15 xã, chiếm 21%. Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới 05 huyện, trong đó, phần đầu 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.
- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phần đầu tăng gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020.
- Tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh của dân cư nông thôn đạt 100%.
- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 50%; bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 6.000 lao động nông thôn.
- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 60%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

3. Yêu cầu

- Kế hoạch thực hiện được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu trong Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 96/NQ-CP của Chính phủ và tình hình thực tế của địa phương, từ đó xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trong tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết đã đề ra.

- Công tác tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai phải được thực hiện nghiêm túc, chất lượng. Từng cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động phải xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của mình, nắm vững các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thắng lợi các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đã đề ra.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền

- Tổ chức triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 96/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động của Tỉnh uỷ và các Chương trình, kế hoạch thực hiện phát triển nông, lâm nghiệp của tỉnh để tạo sự thống nhất trong nhận thức, hành động trong tổ chức, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Chủ động phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn, báo chí tuyên truyền, các tổ chức đoàn thể để thực hiện đồng bộ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức như tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, trên mạng xã hội; tuyên truyền qua các panô, áp phích, các khẩu hiệu, tranh ảnh, tờ rơi... tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thách thức cũng như yếu tố tiềm năng phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp về các định hướng phát triển nông nghiệp như việc thực hiện liên kết, sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; sử dụng các giống cây trồng chất lượng cao; các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

2. Về phối hợp hoàn thiện thể chế phát triển và liên kết vùng; đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách, ưu đãi, hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn của Trung ương, của tỉnh đã ban hành, trong đó tập trung các cơ chế, chính sách liên kết sản xuất, liên kết vùng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, thu hút, khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp và đề xuất bổ sung, sửa đổi, ban hành chính sách mới để phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

- Chủ động phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng, góp ý hoàn chỉnh Quy hoạch phát triển tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Rà soát các quy hoạch của ngành: Quy hoạch 3 loại rừng; Quy hoạch bố trí ổn định dân cư; Quy hoạch hệ thống kênh mương, thủy lợi... để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh.

- Tham mưu thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc ngành nông nghiệp để triển khai các dự án trọng điểm của tỉnh phục vụ cho phát triển kết cấu hạ tầng, liên kết vùng như: Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng); các tuyến đường giao thông kết nối các cửa khẩu, khu du lịch trên địa bàn tỉnh, kết nối giao thông liên huyện của tỉnh...

3. Phát triển nhanh và bền vững kinh tế nông nghiệp

- Triển khai có hiệu quả các Chương trình, kế hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh đã ban hành như: các nội dung điều chỉnh Đề án nông nghiệp thông minh tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch đột phá về nông nghiệp thông minh, nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá đặc hữu gắn với chế biến giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, chuyên giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu; bảo tồn và phát triển giống đặc sản, đặc hữu của tỉnh. Xây dựng hệ

thống tổ chức sản xuất, kinh doanh giống đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng phục vụ sản xuất đại trà.

- Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong nông nghiệp; phối hợp nghiên cứu khảo sát, xây dựng các mô hình nông dân, thanh niên, phụ nữ khởi nghiệp: Hợp tác xã nông nghiệp, kinh tế hộ gia đình, trang trại, mô hình liên kết theo chuỗi giá trị... Phối hợp tổ chức các lớp đào tạo nghề ngắn hạn, dài hạn về nông nghiệp.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để phục vụ nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở (DDCI), tập trung cải thiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của Sở. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, dịch vụ công đảm bảo chất lượng theo tiêu chí mức độ 4, thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực.

- Nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị, trước hết đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Phát triển công nghiệp chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí và nâng cao giá trị nông sản, thân thiện với môi trường. Hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi hiện đại, gắn với các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao. Phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp.

- Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế chính sách pháp luật về đất đai, bảo vệ và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, khuyến khích và tạo điều kiện tích tụ đất nông nghiệp, tạo điều kiện sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp nhằm tổ chức sản xuất theo nhu cầu của thị trường. Sử dụng có hiệu quả quỹ đất trống để trồng rừng, nâng độ che phủ rừng và phát triển kinh tế rừng bền vững. Kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

4. Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống

- Chủ trì tham mưu triển khai tốt thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; chủ động phối hợp các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại, kết cấu hạ tầng đồng bộ, đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, đẹp, an toàn và giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp các sở, ngành, địa phương tổ chức nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông thôn đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị. Tập trung xây dựng, hoàn thiện, bảo trì hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn; ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao; khuyến khích đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung theo hình thức xã hội hóa... Khuyến khích tối đa đầu tư tư nhân, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

- Tiếp tục phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, làng nghề; phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch nông thôn trên cơ sở bảo tồn và phát huy văn hóa địa phương. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là đối với vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Phát triển các khu dân cư tập trung có quy mô thích hợp liên kết với đô thị ở các huyện.

5. Góp phần bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

- Tổ chức triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, dự án biên giới: Chương trình bố trí ổn định dân cư vùng biên giới; các công trình kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới; các chương trình, dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường phối kết hợp với các lực lượng chức năng tại cửa khẩu thực hiện tốt công tác quản lý đường biên, an ninh trật tự biên giới; kiểm tra hàng hóa động thực vật, xuất nhập khẩu đúng quy định. Thực hiện các giải pháp thúc đẩy xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu nâng cao chất lượng hoạt động thương mại qua biên giới.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả thực hiện các chương trình hợp tác về nông nghiệp và nông thôn với Khu tự trị Choang, Quảng Tây, Trung Quốc để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển.

6. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch 61a-KH/ĐU, ngày 20/5/2022 của Đảng uỷ Sở về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII để nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm chính trị, tinh thần tự giác, gương mẫu của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên trong tổ chức thực hiện nhằm tạo bước chuyển biến rõ rệt, hiệu quả, thiết thực trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng, đơn vị trực thuộc Sở bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyên giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; thực hiện tốt văn hóa, đạo đức công vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm khi có sai phạm. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Kế hoạch này, các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch này. Định kỳ 6 tháng, cả năm hoặc đột xuất (nếu có yêu cầu), các phòng, đơn vị trực thuộc Sở báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện để tổng hợp báo cáo văn phòng UBND tỉnh.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì tham mưu cho Lãnh đạo Sở triển khai, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; tổng hợp báo cáo của các đơn vị trình lãnh đạo Sở để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị kịp thời báo cáo về Sở để xem xét và điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban giám đốc;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hà